| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN ĐỘNG**<br>**TỈNH BẮC GIANG** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án: **17**/2023/KDTM- ST
Ngày 06/7/ 2023
*V/v Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN ĐỘNG – TỈNH BẮC GIANG**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Văn Toàn

Các Hội thẩm nhân dân :
1/ Bà Hoàng Thị Chung
2/ Ông Lã Văn Minh

***- Thư ký phiên toà***: Ông Nguyễn Viết chung– Thư ký Toà án nhân dân huyện Sơn Động.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Động tham gia phiên toà:*** Ông Hoàng Minh Đức - Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 61/2022/TLST- KDTM, ngày 29/11/2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng và xử lý tài sản thế chấp". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2023/QĐXX – ST, ngày 24 tháng 4 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 17/2023/QĐXX – ST, ngày 23 tháng 5 năm 2023; Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số: 07/2023/QĐXX – ST, ngày 14 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng A; Địa chỉ: Số 02 L, phường T, quận B, thành phố H; do ông Nông Văn T – Chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng A Chi nhánh tại huyện S, tỉnh B II là người đại diện theo ủy quyền; Địa chỉ: Tổ dân phố số 3, thị trấn A, huyện S, tỉnh B; Có mặt

- *Bị đơn:* Ông Bùi Văn H, sinh năm 1976
Bà Vi Thị T, sinh năm 1978
Nơi cư trú: Thôn T, xã Đ, huyện S, tỉnh B.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Bùi Thiện T, sinh năm 2000
2. Chị Bùi Thị H, sinh năm 1997

Nơi cư trú: Thôn T, xã Đ, huyện S, tỉnh B.

(Ông H, bà T, anh T và chị H đều vắng mặt không có lý do)

## NỘI DUNG VỤ ÁN

**1.** Trong đơn khởi kiện, các lời khai tiếp theo có trong hồ sơ và tại phiên tòa đại diện nguyên đơn ông Nông Văn T trình bày:

Vợ chồng ông Bùi Văn H và bà Vi Thị T có ký hợp đồng vay vốn tại Ngân hàng A Chi nhánh huyện S, B II – Phòng giao dịch C các hợp đồng tín dụng như sau:

- Hợp đồng tín dụng số 2509LAV202101542 ngày 24/8/2021, với số tiền 300.000.000đ; Phương thức cho vay: Cho vay từng lần; Bà Vi Thị T có Hợp đồng ủy quyền ngày 20/8/2021. Ngày 24/8/2021, ông Bùi Văn H và bà Vi Thị T nhận nợ theo phụ lục hợp đồng nhận tiền vay và định kỳ trả nợ với số tiền là 300.000.000đ (kèm theo hợp đồng tín dụng số 2509LAV202101542 ngày 24/8/2021). Hạn trả gốc 01 kỳ đến ngày 24/8/2022; Hạn trả lãi cùng kỳ trả gốc.

- Hợp đồng tín dụng số 2509LAV202101545 ngày 25/8/2021, với số tiền 300.000.000đ; Phương thức cho vay: Cho vay từng lần; Bà Vi Thị T có Hợp đồng ủy quyền ngày 20/8/2021. Ngày 25/8/2021, ông Bùi Văn H và bà Vi Thị T nhận nợ theo phụ lục hợp đồng nhận tiền vay và định kỳ trả nợ với số tiền là 300.000.000đ (kèm theo hợp đồng tín dụng số 2509LAV202101545 ngày 25/8/2021). Hạn trả gốc 05 kỳ, (các kỳ hạn như sau: 25/8/2022, 25/8/2023; 25/8/2024; 25/8/2025; 25/8/2026); Kỳ hạn trả lãi cùng kỳ trả gốc.

Cả 02 hợp đồng ông H, bà T vay là để kinh doanh trưng cất rượu bán.

Hợp đồng thế chấp tài sản số 2509HĐTC2021051 ngày 20/8/2021 là Quyền sử dụng đất gồm: Thửa đất diện tích 100m$^2$, mục đích sử dụng là đất ở nâu dài, địa chỉ Thôn C, xã C, huyện S, tỉnh B (nay là Thôn T, xã Đ, huyện S, tỉnh B), giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL 757506 do UBND huyện S cấp ngày 12/02/2018 mang tên ông Bùi Văn H.

Trong quá trình vay vốn ông Bùi Văn H và bà Vi Thị T không thực hiện đúng cam kết Hợp đồng tín dụng đã ký với ngân hàng, đến nay Hợp đồng tín dụng số 2509LAV202101542 ngày 24/8/2021 đã quá hạn gốc, lãi kể từ ngày 25/8/2022 và Hợp đồng tín dụng số 2509LAV202101545 ngày 25/8/2021 đã quá hạn phân kỳ gốc, lãi kể từ ngày 26/8/2022 đến nay. Trong thời gian quá hạn Ngân hàng đã nhiều lần đến làm việc, lập biên bản yêu cầu trả nợ đối với ông Bùi Văn H và bà Vi Thị T nhưng không hợp tác trả nợ. Đến ngày 06/7/2023, tổng dư nợ của ông Bùi Văn H và bà Vi Thị T tại Ngân hàng A là: Số dư gốc: 600.000.000đ, số nợ lãi: 44.063.014đ. Tổng số tiền gốc + lãi là 644.063.014đ.

Ngân hàng A yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Sơn Động giải quyết: Buộc ông Bùi Văn H và bà Vi Thị T phải trả số tiền gốc và lãi chưa trả tính đến ngày 06/7/2023 là 644.063.014đ và lãi suất phát sinh từ ngày 07/7/2023 đến khi ông Bùi Văn H và bà Vi Thị T thanh toán hết khoản nợ tại Ngân hàng; nếu ông H, bà T không trả được thì phải xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất. Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

**2**. Tại biên bản ghi lời khai và tại phiên tòa bị đơn ông Bùi Văn H trình bày:

Năm 2021, ông có ký hợp đồng vay vốn tại Ngân hàng A Chi nhánh huyện S, B II – Phòng giao dịch C, bà Vi Thị T là người ký ủy quyền 02 hợp đồng tín dụng, mục đích vay để kinh doanh (Trưng cất rượu bán), cụ thể như sau:

- Hợp đồng tín dụng số 2509LAV202101542 ngày 24/8/2021, với số tiền 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng chẵn); Phương thức cho vay: Cho vay từng lần. Ngày 24/8/2021, ông đã ký nhận nợ theo phụ lục hợp đồng nhận tiền vay và định kỳ trả nợ với số tiền là 300.000.000đ (kèm theo hợp đồng tín dụng số 2509LAV202101542 ngày 24/8/2021). Hạn trả gốc 01 kỳ đến ngày 24/8/2022; Hạn trả lãi: cùng kỳ trả gốc.

- Hợp đồng tín dụng số 2509LAV202101545 ngày 25/8/2021, với số tiền 300.000.000đ; Phương thức cho vay: Cho vay từng lần. Ngày 25/8/2021, ông ký nhận nợ theo phụ lục hợp đồng nhận tiền vay và định kỳ trả nợ với số tiền là 300.000.000đ (kèm theo hợp đồng tín dụng số 2509LAV202101545 ngày 25/8/2021). Hạn trả gốc 05 kỳ, (các kỳ hạn như sau: 25/8/2022, 25/8/2023; 25/8/2024; 25/8/2025; 25/8/2026); Kỳ hạn trả lãi cùng kỳ trả gốc.

Tài sản thế chấp là 01 thửa đất diện tích 100m$^2$, mục đích sử dụng là đất ở nâu dài, địa chỉ Thôn C, xã C, huyện S, tỉnh B (nay là Thôn T, xã Đ, huyện S, tỉnh B), giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL 757506 do UBND huyện S cấp ngày 12/02/2018 mang tên ông Bùi Văn C; ngày 05/3/2018 Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Sơn Động đã xác nhận ông C đã chuyển nhượng thửa đất cho ông Bùi Văn H.

Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông H, bà T trả nợ tiền gốc + lãi tính đến ngày 06/7/2023 là 644.063.014đ và xử lý tài sản thế chấp, nhưng do làm ăn kinh tế khó khăn nên gia đình ông chưa có tiền trả, đề nghị Ngân hàng khoanh nợ gia thời hạn để trả dần. Ngoài ra ông không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

**3**. Bị đơn bà Vi Thị T (là vợ H); Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Bùi Thiện T và chị Bùi Thị H (là con ông H, bà T): Bà Vi Thị T, anh Bùi Thiện T và chị Bùi Thị H đi làm ăn vắng mặt tại nơi cư trú; Tòa án giao thông báo về việc thụ lý vụ án, các giấy triệu tập, thông báo phiên họp và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử giao cho ông H để bà T, anh T, chị H biết đến làm việc tại Tòa án; tuy ông H đã thông báo bằng điện thoại cho bà T, anh T, chị H biết nhưng bà T, anh T, chị H không đến làm việc, nên Tòa án không thu thập được lời khai của bà T, anh T, chị H.

**4.** Tại phiên tòa Đại diện của Viện kiểm sát phát biểu về tố tụng và quan điểm việc giải quyết vụ án như sau:

*Về tố tụng*: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến kết thúc phần tranh luận chuyển vào nghị án; Thẩm phán, Hội đồng xét xử cũng như việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn ông H thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Bùi Văn H, bà Vi Thị T, anh Bùi Thiện T và chị Bùi Thị H vắng mặt không có lý do là vi phạm về nghĩa vụ chấp hành pháp luật.

*Về giải quyết vụ án*: Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 117, Điều 122, Điều 131; Khoản 2 Điều 212; Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91 Luật tổ chức tín dụng; Điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân A – Chi nhánh tại huyện S; buộc ông Bùi Văn H, bà Vi Thị T phải trả cho Ngân hàng A, chi Nhánh huyện S tiền gốc, lãi tính đến ngày 06/7/2023: Tiền gốc là 600.000.000đ + tiền lãi 44.063.014đ

*Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông Bùi Văn H, bà Vi Thị T còn phải tiếp tục chịu tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất ông H, bà T phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.*

*Về tài sản thế chấp:* Trường hợp ông Bùi Văn H, bà Vi Thị T không trả khoản nợ cho Ngân hàng A – Chi nhánh huyện S, tỉnh B II thì Ngân hàng được quyền yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm là Quyền sử dụng đất đối với thửa đất diện tích 100m$^2$, mục đích sử dụng là đất ở nâu dài, địa chỉ Thôn C, xã C, huyện S, tỉnh B (nay là Thôn T, xã Đ, huyện S, tỉnh B), giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL 757506 do UBND huyện S cấp ngày 12/02/2018 ghi tên ông Bùi Văn H.

*Về án phí*: Ông Bùi Văn H, bà Vi Thị T thuộc hộ nghèo nên được miễn toàn bộ án phí DSST. Hoàn trả Ngân hàng A số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

*Về chi phí tố tụng*: Buộc ông Bùi Văn H, bà Vi Thị T phải chịu 1.100.000đ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Do phía nguyên đơn đã nộp chi phí trên nên buộc bị đơn ông H, bà T phải trả lại cho Ngân hàng toàn bộ chi phí mà Ngân hàng đã nộp.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN;

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên toà và lời khai của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

*1. Về tố tụng:*

Ngân hàng A (viết tắt: A), ủy quyền cho ông Đào Hữu B – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng A Chi nhánh tại huyện S, tỉnh B II là người khởi kiện và tham gia tố tụng tại Quyết định số 2965/QĐ-HĐTV-PC ngày 27/12/2019 của Ngân hàng A; Ông Đào Hữu B ủy quyền lại cho ông Nông Văn T – Chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng A Chi nhánh tại huyện S, tỉnh B II là người tham gia tố tụng tại Giấy ủy quyền số 266/UQ-NHNN ngày 05/4/2023 là đúng theo quy định tại Điều 138 của Bộ luật Dân sự, cần được chấp nhận.

Bị đơn ông Bùi Văn H, bà Vi Thị T, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Bùi Thiện T, chị Bùi Thị H vắng mặt tại phiên tòa không có lý do là vi phạm về nghĩa vụ chấp hành pháp luật. Do đó Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt theo khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

*2. Về quan hệ pháp luật tranh chấp*:

Ngân hàng A khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Sơn Động giải quyết, buộc ông Bùi Văn H, bà Vi Thị T phải trả tiền gốc vay, yêu cầu tính lãi và xử lý tài sản thế chấp; Việc Tranh chấp giữa tổ chức có đăng ký kinh doanh với cá nhân có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận; Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

*3. Về nội dung vụ án:*

3.1.Ngân hàng A, Chi nhánh huyện S khởi kiện ông Bùi Văn H, bà Vi Thị T yêu cầu trả khoản vay theo hợp đồng tín dụng, nhưng đến thời hạn chu kỳ trả nợ ông Bùi Văn H, bà Vi Thị T không trả nợ gốc và lãi. Do ông Bùi Văn H, bà Vi Thị T vi phạm cam kết trả nợ, Căn cứ vào Điều 35 và Điều 186 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Ngân hàng có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết theo luật định.

3.2. Xét hợp đồng tín dụng: Theo hồ sơ, tài liệu trong hồ sơ vụ án thì tháng 8/2021 ông Bùi Văn H và bà Vi Thị T có ký hợp đồng vay vốn tại A Chi nhánh huyện S, B II – Phòng giao dịch C các hợp đồng tín dụng như sau:

Hợp đồng tín dụng số 2509LAV202101542 ngày 24/8/2021, với số tiền 300.000.000đ; Phương thức cho vay: Cho vay từng lần; Bà Vi Thị T có Hợp đồng ủy quyền ngày 20/8/2021. Ngày 24/8/2021, ông Bùi Văn H và bà Vi Thị T nhận nợ theo phụ lục hợp đồng nhận tiền vay và định kỳ trả nợ với số tiền là 300.000.000đ. Hạn trả gốc 01 kỳ đến ngày 24/8/2022, hạn trả lãi cùng kỳ trả gốc.

Hợp đồng tín dụng số 2509LAV202101545 ngày 25/8/2021, với số tiền 300.000.000đ; Phương thức cho vay: Cho vay từng lần; Bà Vi Thị T có Hợp đồng ủy quyền ngày 20/8/2021. Ngày 25/8/2021, ông Bùi Văn H và bà Vi Thị T nhận nợ theo phụ lục hợp đồng nhận tiền vay và định kỳ trả nợ với số tiền là 300.000.000đ. Hạn trả gốc 05 kỳ, (các kỳ hạn như sau: 25/8/2022, 25/8/2023; 25/8/2024; 25/8/2025; 25/8/2026); Kỳ hạn trả lãi cùng kỳ trả gốc.

3.3. Về số tiền vay: Căn cứ vào hợp đồng tín dụng Hợp đồng tín dụng số 2509LAV202101542 ngày 24/8/2021 và Hợp đồng tín dụng số 2509LAV202101545 ngày 25/8/2021do ông Bùi Văn H, bà Vi Thị T ký vay vốn tại Ngân hàng A Chi nhánh huyện S, tổng số tiền vay 02 hợp đồng là 600.000.000đ; mục đích vay là để kinh doanh trưng cất rượu. Từ ngày vay đến ngày 24/8/2022 ông H, bà T chỉ trả được 1 phần lãi; đến chu kỳ thanh toán tiếp theo ông H, bà T không trả tiền lãi và gốc như trong hợp đồng tín dụng. Tính đến ngày 06/7/2023 ông H, bà T còn nợ Ngân hàng A tổng số tiền là tiền gốc là 600.000.000đ + tiền lãi 44.063.014đ.

Trong quá trình vay vốn do ông Bùi Văn H và bà Vi Thị T không thực hiện đúng cam kết Hợp đồng tín dụng đã ký với ngân hàng, Hợp đồng tín dụng số 2509LAV202101542 ngày 24/8/2021 đã quá hạn gốc, lãi kể từ ngày 25/8/2022 và Hợp đồng tín dụng số 2509LAV202101545 ngày 25/8/2021 đã quá hạn phân kỳ gốc, lãi kể từ ngày 26/8/2022 đến nay. Trong thời gian quá hạn Ngân hàng đã nhiều lần đến làm việc, lập biên bản yêu cầu trả nợ nhưng ông Bùi Văn H và bà Vi Thị T không trả nợ được cho Ngân hàng; ông H trình bày do việc làm ăn kinh doanh bị đình trệ gặp nhiều khó khăn.

Từ những phân tích trên, có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bên nguyên đơn Ngân hàng A, Chi nhánh tại huyện S, tỉnh B II, về việc yêu cầu bị đơn ông H, bà T phải trả số tiền vay gốc và lãi tính đến ngày 06/7/2023, tiền gốc là 600.000.000đ + tiền lãi 44.063.014đ và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho đến khi trả xong nợ, theo quy định tại Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự.

3.4. Xét hợp đồng thế chấp tài sản: Hợp đồng thế chấp số 2509HĐTC2021051 ngày 20/8/2021 là Quyền sử dụng đất đối với thửa đất diện tích 100m$^2$, mục đích sử dụng là đất ở nâu dài, địa chỉ Thôn C, xã C, huyện S, tỉnh B (nay là Thôn T, xã Đ, huyện S, tỉnh B), giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL 757506 do UBND huyện S cấp ngày 12/02/2018 ghi tên ông Bùi Văn H.

Trong hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất do ông H, bà T ký vào hợp đồng; ông H có ý kiến tài sản thế chấp là chỉ có ông và bà T là có quyền quản lý, sử dụng, các con không có quyền gì cả, vì khi hình thành tài sản nhà đất chỉ có ông và bà T bỏ tiền ra, do đó các con không có liên quan. Căn cứ hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông H trình bày tài sản thế chấp của của ông H, bà T là có căn cứ. Việc thế chấp tài sản để đảm bảo khoản vay được ký kết giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, được chủ sở hữu tài sản đồng ý thế chấp, đăng ký thế chấp và chứng thực đúng quy định, tuân thủ đúng các quy định của pháp luật cả về nội dung và hình thức; căn cứ Điều 318, 320, 323 của Bộ luật Dân sự, công nhận hợp đồng thế chấp tài sản nói trên giữa các bên là hợp pháp.

*4. Về án phí và chi phí tố tụng:*

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật, ông H, bà T thuộc hộ cận nghèo nên được miễn toàn bộ án phí DSST theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Hoàn trả cho Ngân hàng A – Chi nhánh huyện S, tỉnh B II số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Buộc ông Bùi Văn H, bà Vi Thị T phải chịu 1.100.000đ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Do phía nguyên đơn đã nộp chi phí trên nên buộc bị đơn ông H, bà T phải trả lại cho Ngân hàng toàn bộ chi phí mà Ngân hàng đã nộp.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 117, Điều 122, Điều 131; Khoản 2 Điều 212; Điều 318, 320, 323 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 91 Luật tổ chức tín dụng; Điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử:

**1.** Chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng A– Chi nhánh tại huyện S, tỉnh B II.

Buộc ông Bùi Văn H, bà Vi Thị T phải trả cho Ngân hàng A – Chi nhánh tại huyện S tiền gốc + lãi tính đến ngày 06/7/2023, cụ thể: Tiền gốc là 600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng chẵn) + tiền lãi 44.063.014đ (Bốn mươi bốn triệu, không trăm sáu mươi ba nghìn, không trăm mười bốn đồng).

*Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông Bùi Văn H, bà Vi Thị T còn phải tiếp tục chịu tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất ông H, bà T phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.*

**2**. Về tài sản thế chấp: Trường hợp ông Bùi Văn H, bà Vi Thị T không trả khoản nợ cho Ngân hàng A – Chi nhánh huyện S, tỉnh B II thì Ngân hàng được quyền yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm là Quyền sử dụng đất đối với thửa đất diện tích 100m$^2$, mục đích sử dụng là đất ở Lâu dài, địa chỉ Thôn C, xã C, huyện S, tỉnh B (nay là Thôn T, xã Đ, huyện S, tỉnh B), giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL 757506 ngày 12/02/2018 do UBND huyện S ghi tên ông Bùi Văn H.

**3.** Về án phí và chi phí tố tụng:

Ông Bùi Văn H, bà Vi Thị T được miễn toàn bộ án phí DSST. Hoàn trả cho Ngân hàng A – Chi nhánh huyện S, tỉnh B II số tiền đã nộp tạm ứng án phí là 16.299.000đ (Mười sáu triệu hai trăm chín mươi chín nghìn đồng), theo biên lai số 0015445 ngày 25/11/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Động.

Buộc ông Bùi Văn H, bà Vi Thị T phải chịu 1.100.000đ tiền chi phí tố tụng. Số tiền 1.100.000đ ông Hùng, bà Tới nộp trả cho Ngân hàng A – Chi nhánh tại huyện S, tỉnh B II.

**4.** Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm. Báo cho đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết ./.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Sơn Động;
- Chi cục THADS huyện Sơn Động;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Văn Toàn**